TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm

Bà Trần Thị Hoa.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Binh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 và ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2 V, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Thế A, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2 V, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Chị Lê Thị Thu T và anh Lê Thế A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp năm 2017. Sau khi cưới, vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Anh chời bời, lô đề, không tu trí làm ăn, gia đình nhà chị đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh Thế A. Xác định vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên chị T đã khởi kiện xin ly hôn và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ ngày 08/01/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thế A.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thế A xác định: Anh và chị Lê Thị Thu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp năm 2017. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, không hiểu lý do vì sao ngày 07/01/2020 chị T lại đề nghị ly hôn và từ ngày 08/01/2020 đến nay chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh có đến nhà bố mẹ vợ để động viên chị T về, nhưng nhà đóng cửa nên anh về, từ đó vợ chồng sống ly thân. Việc chị T cho rằng anh cờ bạc, lô đề, không tu trí làm ăn

là không đúng. Anh có vay nợ nhưng không phải để chơi bời và bố mẹ vợ cũng không phải trả nợ hộ anh. Nay chị T xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T nên xin được đoàn tụ.

Về con chung: Chị T và anh Lê Thế A xác định vợ chồng có một con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 26/01/2018.

Quan điểm của chị T : Khi chị về nhà mẹ đẻ ở có bế theo con, nhưng gia đình chồng ngăn cản, giằng con lại, đe dọa đánh đập, chị sợ con đau nên phải để con lại nhà chồng. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu anh Lê Thế A phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị T đề nghị Tòa án buộc anh Lê Thế A phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Minh N đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thế A cho rằng khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở có bế con đi cùng, nhưng gia đình anh không đồng ý nên chị T không bế con đi được, tuy nhiên không có việc giành giật hay đe dọa đánh đập. Nếu phải ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị T và anh Thế A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương xã T , huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/01/2020: Chị Lê Thị Thu T và anh Lê Thế A kết hôn ngày 23/11/2017. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại địa phương xã T . Việc anh A và chị T có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn từ đâu thì địa phương không nắm được. Chỉ biết khi giao giấy triệu tập của Tòa án cho chị T thì chị đã về mẹ đẻ ở và hiện vẫn đang sống tại nhà mẹ đẻ tại xã K. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh Thế A, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Lê Thế A. Về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Lê Minh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh Thế A phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét. Về tài sản: Chị T và anh Thế A không yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Thu T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lê Thế A và xin được nuôi con, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Thế A có địa chỉ tại xã T , huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa ngày 10/3/2020, anh Lê Thế A vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai - ngày 26/3/2020, anh Lê Thế A vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Các Quyết định hoãn phiên tòa đều được tống đạt ngay tới anh Lê Thế A. Tại phiên tòa lần thứ ba, anh Lê Thế A vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lê Thế A là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Lê Thế A và Chị Lê Thị Thu T tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã T năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nên ngày 07/01/2020 chị T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Thế A. Nguyên nhân mâu thuẫn hai anh chị đưa ra là khác nhau, nhưng thực tế cả hai đều khẳng định vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 08/01/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng và không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Lê Thế A.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Thế A có một con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 26/01/2018, cả chị T và anh Lê Thế A đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu Minh N đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, nên cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện tại cháu đang ở với gia đình anh Thế A là do nguyên nhân khi trở về nhà mẹ đẻ ở, chị T có đưa con theo nhưng bị gia đình chồng ngăn cản, nên phải để con ở lại. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Chị T yêu cầu anh Lê Thế A phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Minh N đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Chị T và anh Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, anh Lê Thế A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Lê Thế A.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh N, sinh ngày 26/01/2018 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Lê Thế A phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Minh N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0009719 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ. Anh Lê Thế A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân